TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 12 - 2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

1. Ông Huỳnh Tuấn Cường

2. Bà Đặng Thị Hoàng Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 50/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông A, sinh năm 1992; nơi cư trú: 1887 West 65th Street, Cleveland, Ohio 44102, USA. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2021, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng T trình bày như sau: Thông qua mai mối bà T và ông A tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/01/2018. Sau khi hết hôn thì bà T ở lại Việt Nam còn ông A về Hoa Kỳ và hứa bảo lãnh bà T sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Đến tháng 5/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Từ đó, vợ chồng không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống xa cách, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông A.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn A đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án; thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ qua đường bưu chính. Theo kết quả tống đạt, ngày 18/5/2021 bưu gửi đã được phát thành công đến ông A nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông A và ông A cũng không có mặt tại các phiên hòa giải, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T. Cho bà T được ly hôn với ông A. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn A đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án; thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ qua đường bưu chính. Theo kết quả tống đạt, ngày 18/5/2021 bưu gửi đã được phát thành công đến ông A nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông A và ông A cũng không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn, không giải quyết con chung, tài sản chung, nợ chung của bà Nguyễn Thị Hồng T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/01/2018 thì bà T và ông A đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Long và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà T và ông A là hợp pháp.

Bà T xác định sau khi kết hôn bà T ở lại Việt Nam còn ông A về Hoa Kỳ và hứa bảo lãnh bà T sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Đến tháng 5/2020 thì

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau từ đó, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Xét thấy bà T và ông A không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay bà T sống ở Việt Nam còn ông A sống ở Hoa Kỳ, cả hai không còn liên lạc với nhau. Do bà T và ông A vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà T ly hôn ông A là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227; điểm đ khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Về hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông A.

Về con chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003298 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND H.TB: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 08.

Nguyễn Thị Tư